



TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HIẾN  
KHOA DU LỊCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

### 1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: **ĐỊA LÝ DU LỊCH VIỆT NAM**  
(Tourism geography in Viet Nam)
- Mã học phần: TOU301
- Số tín chỉ: 3 (3/0/6)
- Cấp đào tạo: Đại học
- Loại học phần (bắt buộc/tự chọn): Bắt buộc
- Học phần tiên quyết/ Học phần trước: Tổng quan du lịch
- Đơn vị phụ trách: Khoa Du lịch
- Số giờ tín chỉ: 45, trong đó:
  - Lý thuyết: 45 (1 tín chỉ LT = 15 tiết)
  - Thực hành: ... (1 tín chỉ TH = 30 tiết)
  - Thực tập: ... (1 tín chỉ TT = 60 giờ TT tại cơ sở)
  - Đồ án/ Khóa luận ... (1 tín chỉ ĐA/KL = 45 giờ làm ĐA/KL)

### 2. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1:

- Họ và tên: Dương Thị Loan
- Chức danh, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Du lịch - Trường Đại học Văn Hiến
- Điện thoại: 08298974040
- Email: loandt@vhu.edu.vn

Giảng viên 2:

- Họ và tên: Trương Thị Thanh Tuyền
- Chức danh, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Du lịch - Trường Đại học Văn Hiến
- Điện thoại: 0377460786
- Email: tuyenttt@vhu.edu.vn

### 3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Địa lý du lịch Việt Nam bao gồm có 5 chương, cung cấp hệ thống kiến thức về đối tượng nghiên cứu của địa lý du lịch, các nguồn lực phát triển du lịch (đặc biệt nhấn mạnh đến tài nguyên du lịch), tổ chức lãnh thổ du lịch; Đặc điểm các vùng du lịch Việt Nam; Định hướng phát triển các sản phẩm du lịch theo quy hoạch du lịch.

Song song đó, học phần tích hợp giảng dạy các kỹ năng tư duy phân biện, giải quyết vấn đề và kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, cũng như củng cố tính kỷ luật, ý thức trách nhiệm và thái độ học tập tích cực của người học.

### 4. Mục tiêu của học phần

Học phần có những mục tiêu:

Học phần “Địa lý du lịch Việt Nam” cung cấp cho sinh viên các kiến thức về nguồn lực và thực trạng phát triển du lịch Việt Nam; Đặc điểm các Vùng du lịch của Việt Nam; Định hướng phát triển sản phẩm du lịch theo quy hoạch phát triển du lịch đến 2020 tầm nhìn 2030.

Bên cạnh đó, học phần còn góp phần phát triển các kỹ năng: tư duy như phân biện, giao tiếp, làm việc nhóm, thuyết trình, cũng như củng cố thái độ học tập tích cực và ý thức tự đánh giá điều chỉnh trong quá trình học tập của sinh viên.

### 5. Chuẩn đầu ra của học phần:

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra
<b>Kiến thức</b>	
CLO1	Mô tả các nhân tố về địa lí có tác động đến sự hình thành và phát triển du lịch Việt Nam.
CLO2	Phân tích tiềm năng phát triển của hệ thống các vùng du lịch Việt Nam.
<b>Kỹ năng</b>	
CLO3	Phối hợp làm việc đạt mục tiêu đề ra.
CLO4	Giao tiếp hiệu quả bằng lời nói, văn bản, thuyết trình, thảo luận.
<b>Mức độ tự chủ và trách nhiệm</b>	
CLO5	Thể hiện thái độ học tập nghiêm túc, tự đánh giá điều chỉnh học tập

### Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo và Chuẩn đầu ra

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12
CLO1	X											
CLO2		X										
CLO3						X						
CLO4							X					
CLO5											X	

## 6. Nội dung chi tiết của học phần

### 6.1. Lý thuyết

Chương	Nội dung	Đáp ứng CLOs
<b>Chương 1</b>	<b>Cơ sở lý luận về địa lý du lịch</b>	CLO 1 CLO 4 CLO 5
1.1.	Lịch sử hình thành và phát triển của địa lý du lịch	
1.2.	Đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp của địa lý du lịch	
1.3.	Vai trò của địa lý du lịch	
1.4.	Tài nguyên du lịch	
1.5.	Nhu cầu du lịch	
1.6.	Xu hướng phát triển của địa lý du lịch thế giới	
<b>Chương 2</b>	<b>Tổ chức không gian du lịch</b>	CLO2 CLO4 CLO5
2.1.	Quan niệm	
2.2.	Vai trò tổ chức không gian du lịch	
2.3.	Các cấp độ trong tổ chức không gian du lịch	
<b>Chương 3</b>	<b>Chiến lược &amp; quy hoạch phát triển du lịch</b>	CLO 2 CLO 4 CLO 5
3.1.	Chiến lược phát triển du lịch .	
3.2.	Quy hoạch phát triển du lịch	
<b>Chương 4</b>	<b>Tiềm năng và thực trạng phát triển du lịch Việt Nam</b>	CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4
4.1.	Tiềm năng phát triển du lịch Việt Nam	
4.2.	Thực trạng phát triển ngành du lịch Việt Nam	
<b>Chương 5</b>	<b>Hệ thống vùng du lịch</b>	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5
5.1.	Hệ thống 3 vùng du lịch giai đoạn 1995 - 2010	
5.2.	Hệ thống 7 vùng du lịch giai đoạn 2011 - 2020	

## 6.2. Thực hành

	Nội dung	Đáp ứng CLOs
6.2.1.	<b>Bài tập cá nhân</b>	CLO2
	Sinh viên thực hiện và trình bày trước lớp theo nhóm - Giới thiệu các mô hình du lịch bền vững trên thế giới và Việt Nam. - Phân tích thực trạng và đánh giá tiềm năng phát triển du lịch Việt Nam	
6.2.2.	<b>Bài tập nhóm</b>	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5
	Phân tích tiềm năng phát triển DL Việt Nam và Trình bày trước lớp	

## 7. Phân bổ thời gian theo tiết và điều kiện thực hiện:

Chương	Tên chương	Số tiết tín chỉ					Ghi chú
		Lý thuyết	Bài tập	Thực hành	Tự học	Tổng	
1	Cơ sở lý luận về địa lí du lịch	10	0	0	20	30	
2	Tổ chức không gian du lịch	10	0	0	20	30	
3	Chiến lược & quy hoạch phát triển du lịch	5	0	0	20	25	
4	Tiềm năng và thực trạng phát triển du lịch Việt Nam	10	0	0	20	30	
5	Hệ thống vùng du lịch	10	0	0	10	20	
<b>Tổng</b>		<b>45</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>90</b>	<b>135</b>	

## CÁC CHỦ ĐỀ THẢO LUẬN

1. Liệt kê các huyện đảo tại Việt Nam và cho biết các huyện đảo này thuộc vùng du lịch nào. Phân tích tiềm năng phát triển du lịch biển đảo ở Việt Nam.
2. Phân tích hệ thống sản phẩm du lịch đặc trưng của các vùng du lịch ở Việt Nam hiện nay

## 8. Phương pháp giảng dạy:

Giảng viên giảng dạy với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết trình
- Hỏi lại hoặc vấn đáp
- Đọc và tóm tắt nội dung tài liệu

### Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp giảng dạy

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Thuyết trình	X	X			X
Hỏi lại hoặc vấn đáp	X	X	X	X	X
Đọc và tóm tắt tài liệu	X			X	

### 9. Phương pháp học tập

Sinh viên học tập với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết trình
- Làm việc nhóm
- Tự học

### Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp học tập

Phương pháp học tập	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Thuyết trình	X	X	X	X	
Làm việc nhóm			X	X	X
Tự học	X	X			X

### 10. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp và giờ thuyết trình (sinh viên chỉ được vắng mặt tối đa 20% thời gian lên lớp của học phần).
- Đọc tài liệu tham khảo bắt buộc và bổ trợ do giảng viên giới thiệu.
- Hoàn thành đầy đủ các bài tập cá nhân, bài tập nhóm.
- Tham gia kỳ thi kết thúc học phần.

**11. Thang điểm đánh giá:** Điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến 1 chữ số thập phân.

### 12. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở hai điểm thành phần như sau:

1. *Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40% bao gồm:*
  - a. Điểm chuyên cần: dự lớp, trọng số 10%
  - b. Điểm kiểm tra thường xuyên: thuyết trình, trọng số 30%
2. *Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 60%*

Hình thức thi: Tự luận

**Ma trận quan hệ giữa Chuẩn đầu ra và phương pháp kiểm tra, đánh giá**

Hình thức đánh giá	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Tự luận	X	X			
Thuyết trình			X	X	X
Dự lớp	X				X

**13. Tài liệu phục vụ cho học phần (các tài liệu xuất bản từ năm 2017 trở lại đây và cung cấp được cho Trung tâm Học liệu nơi đặt tài liệu)**

**13.1. Tài liệu chính**

Nguyễn Minh Tuệ (2017). *Địa Lý Du Lịch Việt Nam - Cơ sở lý luận và thực tiễn phát triển ở Việt Nam*. NXB Giáo dục.

**13.2. Tài liệu tham khảo**

1. Tổng cục Du lịch (2016). *Báo cáo thường niên Du lịch Việt Nam*. NXB Lao Động.
2. Tổng cục Du lịch (2017). *Báo cáo thường niên Du lịch Việt Nam*. NXB Lao Động.
3. Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.
4. Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030
5. Association of Southeast Asian Nations - ASEAN (2015). *ASEAN Tourism Strategic Plan 2016 - 2025*
6. Sue Stewart, Fiona Warburton and John D. Smith (2017). *Travel and Tourism*. Cambridge University Press
7. World Tourism Organization - UNWTO (2015). *Responding to Climate Change - Tourism Initiatives in Asia and the Pacific*.
8. World Tourism Organization - UNWTO (2016). *Mekong River-based Tourism Product*.

TP.Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 2022

**HIỆU TRƯỞNG**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

(Đã ký)

**PGS.TS. Nguyễn Minh Đức**

**Trưởng Khoa/ Bộ môn**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

(Đã ký)

**PGS.TS. Phạm Xuân Hậu**

**Giảng viên biên soạn**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

(Đã ký)

**ThS. Dương Thị Loan**



## PHỤ LỤC CÁC RUBRICS ĐÁNH GIÁ

### Rubric 1. Đánh giá chuyên cần – tham gia hoạt động tại lớp (Chiếm 20% tổng điểm cuối cùng của môn học)

TT	Tiêu chí chung	Tiêu chí cụ thể	Thang điểm					Tỷ trọng
			A (8,5-10)	B (7,0-8,4)	C (5,5-6,9)	D (4,0-5,4)	F (<4,0)	
1	Chuyên cần	Chuyên cần	Tham gia đầy đủ và đúng giờ tất cả các buổi học lý thuyết và thực hành	Vắng 1 buổi không có lý do chính đáng hoặc 2 buổi có lý do chính đáng; đôi lúc đi trễ	Vắng 2 buổi không có lý do chính đáng hoặc 3-4 buổi có lý do chính đáng; thỉnh thoảng đi trễ	Vắng 3 buổi không có lý do chính đáng hoặc 5 buổi có lý do chính đáng; hay đi trễ	Vắng trên 3 buổi không có lý do chính đáng hoặc trên 5 buổi có lý do chính đáng; thường xuyên đi trễ	50% (5 điểm)
2	Tham gia các hoạt động trên lớp	Bài tập về nhà (nếu có)	Hoàn thành đầy đủ bài tập về nhà	Thường xuyên làm bài tập về nhà đầy đủ	Làm bài tập về nhà trong đôi đầy đủ	Có làm bài tập về nhà nhưng còn sơ sài	Không làm bài tập về nhà	50% (5 điểm)
		Tham gia các hoạt động trên lớp	Luôn luôn chủ động và tích cực tham gia các hoạt động trên lớp; luôn đưa ra các ý kiến sát đúng với nội dung bài học; chủ động triển khai các hoạt động thảo luận nhóm	Tương đối chủ động và tích cực tham gia các hoạt động trên lớp; thường xuyên đưa ra các ý kiến tương đối sát đúng với nội dung bài học; tham gia tích cực các hoạt động thảo luận nhóm	Có tham gia các hoạt động trên lớp nhưng đôi lúc chưa được chủ động và tích cực; thỉnh thoảng đưa ra các ý kiến tương đối sát đúng với nội dung bài học; tham gia các hoạt động thảo luận nhóm	Chưa chủ động và tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, chỉ trả lời khi được gọi; đưa ra các ý kiến tương đối sát đúng với nội dung bài học khi được gọi ý; thỉnh thoảng tham gia các hoạt động thảo luận nhóm	Không tham gia các hoạt động trên lớp, chỉ trả lời khi được gọi; không đưa ra được các ý kiến tương đối sát đúng với nội dung bài học khi được gọi ý; không tham gia các hoạt động thảo luận nhóm	

\* Các lý do chính đáng bao gồm: thiên tai, tang gia (ông bà, bố mẹ, anh chị em ruột), cưới hỏi của bản thân, nằm viện có giấy xác nhận, tham gia các hoạt động đoàn thể được điều động theo danh sách và một số trường hợp đặc biệt khác được sự đồng ý của các cấp có thẩm quyền.

## Rubric 2. Đánh giá bài thuyết trình nhóm

TT	Tiêu chí chung	Tiêu chí cụ thể	Thang điểm					Tỷ trọng
			A (8,5-10)	B (7,0-8,4)	C (5,5-6,9)	D (4,0-5,4)	F (<4,0)	
1	Nội dung	<i>Nội dung</i>	Trình bày đầy đủ các nội dung của đề tài; các nội dung được nêu ra một cách logic; tất cả các nội dung đều có phân tích rõ ràng, có luận điểm hoặc ví dụ minh họa	Trình bày đầy đủ các nội dung của đề tài; các nội dung được nêu ra một cách logic; một số nội dung chưa có phân tích rõ ràng, chưa có luận điểm hoặc ví dụ minh họa	Trình bày đầy đủ các nội dung của đề tài; các nội dung được nêu ra một cách logic; khoảng 1/2 nội dung chưa có phân tích rõ ràng, chưa có luận điểm hoặc ví dụ minh họa	Trình bày không đầy đủ các nội dung của đề tài; các nội dung chưa được nêu ra một cách logic; khoảng 2/3 nội dung chưa có phân tích rõ ràng, chưa có luận điểm hoặc ví dụ minh họa	Trình bày không đúng nội dung của đề tài	40% (4 điểm)
2	Thuyết trình	<i>Bố cục</i>	Bố cục: Đầy đủ các phần Giới thiệu nhóm, Giới thiệu đề tài, Giới thiệu các nội dung chính, Nội dung chính, Kết luận, Danh mục tài liệu tham khảo, Câu hỏi thảo luận	Bố cục thiếu tối đa 2 mục so với quy định.	Bố cục còn thiếu tối đa 3 mục so với quy định.	Bố cục còn thiếu tối đa 4 mục so với quy định	Bố cục lủng củng, các mục sắp xếp lộn xộn, thiếu nội dung so với quy định	40% (4 điểm)
		<i>Phong cách thuyết trình</i>	Phong cách trình bày tự tin; Diễn đạt gãy gọn, súc tích, giọng nói rõ ràng, dễ nghe; Không phụ thuộc vào slides; Sử dụng tốt ngôn ngữ hình thể và tương tác tốt với người nghe	Phong cách trình bày tự tin; Diễn đạt tương đối gãy gọn, súc tích, giọng nói khá rõ ràng, dễ nghe; Đôi chỗ còn phụ thuộc vào slides; Sử dụng tương đối tốt ngôn ngữ hình thể và có tương tác với người nghe	Phong cách trình bày chưa thật tự tin; Diễn đạt một số chỗ chưa gãy gọn, súc tích, giọng nói rõ ràng, dễ nghe; Còn phụ thuộc vào slides; Chưa sử dụng tốt ngôn ngữ hình thể và chưa tương tác với người nghe	Phong cách trình bày chưa tự tin; Diễn đạt còn lủng củng, giọng nói không rõ ràng, dễ nghe; Còn phụ thuộc nhiều vào slides; Chưa sử dụng tốt ngôn ngữ hình thể và chưa tương tác với người nghe	Không tự tin khi trình bày; diễn đạt lủng củng, khó hiểu; Giọng nói nhỏ, khó nghe; Phụ thuộc hoàn toàn vào slides; Không tương tác với người nghe	



		<i>Hình thức slides</i>	Font chữ to, rõ, màu chữ hợp lý, có thể đọc được từ cuối lớp; Hình ảnh minh họa chất lượng tốt, phù hợp với nội dung; Các hiệu ứng được sử dụng hợp lý; Phối màu đẹp, rõ ràng, nổi bật nội dung	Font chữ to, rõ, màu chữ hợp lý, có thể đọc được từ cuối lớp; Hình ảnh minh họa phù hợp với nội dung; Các hiệu ứng được sử dụng tương đối hợp lý; Phối màu rõ ràng	Font chữ to, rõ, màu chữ hợp lý, có thể đọc được từ cuối lớp; Có hình ảnh minh họa nhưng một số chỗ chưa phù hợp với nội dung; Không sử dụng hiệu ứng; Phối màu chưa nổi bật nội dung	Font chữ, màu chữ chưa hợp lý, có khó khăn khi đọc từ cuối lớp; Hình ảnh minh họa sơ sài, chưa phù hợp với nội dung; Không sử dụng hiệu ứng; Phối màu chưa nổi bật nội dung	Font chữ, màu chữ chưa hợp lý, có khó khăn khi đọc từ giữa lớp; Không có hình ảnh minh họa; Không sử dụng hiệu ứng; Phối màu không hợp lý	
		<i>Thời gian trình bày</i>	Đúng thời gian quy định	Quá thời gian quy định < 2 phút	Quá thời gian quy định từ 2 đến < 4 phút	Quá thời gian quy định từ 4 đến < 5 phút	Quá thời gian quy định > 5 phút	
3	Làm việc nhóm	<i>Hiệu quả làm việc nhóm</i>	Các thành viên hoàn tốt nhiệm vụ của mình. Tất cả thành viên hiểu rõ đề tài trình bày của nhóm; nhóm trả lời tốt các câu hỏi của đề tài.	Các thành viên hoàn thành tương đối công việc, có sự khác biệt trong chất lượng công việc của các thành viên; 80% thành viên hiểu rõ đề tài trình bày của nhóm; Nhóm trả lời tốt 80% câu hỏi của đề tài.	Các thành viên hoàn thành tương đối công việc, có sự khác biệt rõ ràng trong chất lượng công việc của các thành viên; 60% thành viên hiểu rõ đề tài trình bày của nhóm; Nhóm trả lời tốt 60% câu hỏi của đề tài	Một số thành viên không tham gia làm việc nhóm; dưới 50% thành viên hiểu rõ đề tài trình bày của nhóm; Nhóm trả lời được dưới 50% câu hỏi của đề tài.	Các thành viên không hoàn thành công việc đúng khối lượng và thời gian quy định; dưới 50% các thành viên không hiểu rõ đề tài trình bày của nhóm; Nhóm không trả lời được các câu hỏi của đề tài.	15% (1,5 điểm)
		<i>Khả năng lãnh đạo</i>	Phân chia công việc hợp lý; có kỹ năng giải quyết vấn đề hiệu quả	Phân chia công việc tương đối hợp lý; một số vấn đề của nhóm chưa được giải quyết hiệu quả	Phân chia công việc tương đối hợp lý;	Phân chia công việc chưa hợp lý;	Phân chia công việc không hợp lý;	5% (0,5 điểm)

### Rubric 3. Kiểm tra tự luận

TT	Tiêu chí chung	Tiêu chí cụ thể	Thang điểm					Tỷ trọng
			A (8,5-10)	B (7,0-8,4)	C (5,5-6,9)	D (4,0-5,4)	F (<4,0)	
1	Nội dung và hình thức trình bày	<i>Trả lời ngắn (câu hỏi bậc 1: trình bày tái hiện kiến thức)</i>	- Trình bày đúng và đầy đủ các nội dung nêu trong đáp án. - Không có hoặc có 1-2 lỗi chính tả và diễn đạt.	- Trình bày đúng và đạt 70-80% nội dung nêu trong đáp án. - Có 3-4 lỗi nhầm lẫn thông tin, lỗi chính tả và diễn đạt	- Trình bày đúng và đạt 50-60% nội dung nêu trong đáp án. - Có 5-6 lỗi nhầm lẫn thông tin, lỗi chính tả và diễn đạt.	- Trình bày đúng và đạt 40-50% nội dung nêu trong đáp án. - Có trên 6 lỗi nhầm lẫn thông tin, lỗi chính tả và diễn đạt.	Không trình bày được hoặc trình bày sơ sài các thông tin về vấn đề được yêu cầu.	Giảng viên điều chỉnh theo từng đề thi cụ thể
		<i>Tự luận (câu hỏi bậc 2,3: Phân tích, chứng minh, đánh giá vấn đề)</i>	- Thể hiện hiểu biết sâu sắc và quan điểm cá nhân về vấn đề nêu ra. - Có dẫn chứng và lập luận thuyết phục để bảo vệ quan điểm của mình. - Không có hoặc có 1-2 lỗi chính tả và diễn đạt	- Thể hiện hiểu biết tương đối toàn diện về vấn đề nêu ra. - Có đưa ra quan điểm cá nhân. - Dẫn chứng và lập luận chưa thực sự chặt chẽ. - Có 3-4 lỗi chính tả và diễn đạt.	- Thể hiện được hiểu biết về vấn đề. - Chưa đưa ra được ý kiến cá nhân. - Chưa nêu được dẫn chứng và xây dựng lập luận. - Có 5-6 lỗi chính tả và diễn đạt.	- Trình bày vấn đề một cách đơn giản. - Chưa đưa ra được ý kiến cá nhân. - Chưa nêu được dẫn chứng và xây dựng lập luận. - Có trên 6 lỗi chính tả và diễn đạt.	Không trình bày được hoặc trình bày một cách sơ sài về vấn đề được yêu cầu.	